PHỤ LỤC 2
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ CÔNG TÁC PCCC và CNCH GIAI ĐOẠN 2020 - 2022

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 161 /BC-UBND ngày 01/6/2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	DANH MỤC THỐNG KÊ	NĂM			TỔNG
		2020	2021	2022	
1	**Số liệu cháy**				
1.1	Tổng số (vụ)	15	17	16	48
1.2	Thiệt hại:				
1.2.1	Người chết	0	01	01	02
1.2.2	Người bị thương	03	02	0	05
1.2.3	Tài sản thiệt hại (triệu đồng)	2.382	1.036	11.134	14.552
1.2.4	Diện tích rừng bị cháy (ha)	21,64	13,4	0	35,04
2	**Công tác tuyên truyền**				
2.1	Số lớp tuyên truyền, huấn luyện PCCC và CNCH	99	5.761	1.349	7.209
2.2	Số người tham gia	6.291	76.489	62.932	145.712
2.3	Số chuyên mục PCCC phát sóng	11	128	112	151
2.4	Số tin, bài, phóng sự, tờ rơi, tài liệu, tin nhắn...	124	103.554	66.088	169.766
2.5	Số lượng pano, khẩu hiệu, khuyến cáo được phát hành	75	1.101	536	1.712
3	**Công tác chữa cháy**				
3.1	Tổng số tin báo cháy	6	15	08	29
3.2	Số vụ trực tiếp chữa cháy	6	15	08	29
3.3	Số vụ do lực lượng tại chỗ tự dập tắt	3	1	08	12
3.4	Số phương án chữa cháy đã được lập	6	146	76	228

STT	DANH MỤC THỐNG KÊ	NĂM			TỔNG
		2020	2021	2022	
3.5	Số phương án chữa cháy được thực tập	2	9	32	43
4	**Công tác cứu nạn, cứu hộ**				
4.1	Tổng số tin báo (vụ)	10	10	14	34
4.2	Số người được cứu	0	01	03	4
4.3	Số người chết	13	13	10	36
4.4	Số người bị thương	0	01	01	2
4.5	Thiệt hại tài sản	0	0	0	0
4.6	Số phương án CNCH được lập	18	140	169	327
4.7	Số phương án CNCH được thực tập	2	07	137	146
5	**Công tác thẩm duyệt**				
5.1	Số dự án, công trình đã thẩm duyệt	57	57	55	169
5.2	Số dự án công trình đã nghiệm thu	32	31	30	93
5.3	Số công trình chưa thẩm duyệt, nghiệm thu nhưng đã đưa vào sử dụng	0	0	15	15
6	**Công tác xây dựng lực lượng**				
6.1	***Công tác xây dựng phong trào toàn dân PCCC***				
6.1.1	Mô hình điểm về PCCC	0	2	3	5
6.1.2	Điển hình tiên tiến về PCCC	10	16	25	51
6.1.3	Số đội dân phòng phải thành lập	-	756	756	
	Số đội đã thành lập được	118	638	756	
	Số thành viên	1.203	6.754	7.698	
6.1.4	Số đội PCCC cơ sở phải thành lập	981	1.201	1.112	

STT	DANH MỤC THỐNG KÊ	NĂM			TỔNG
		2020	**2021**	**2022**	
	Số đội đã thành lập được	981	1.201	1.112	
	Số thành viên	5.640	5.729	5.123	
6.1.5	Số đội PCCC chuyên phải thành lập	3	2	3	
	Số đội đã thành lập được	3	2	3	
	Số thành viên	117	117	75	
6.2	***Công tác xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC***				
6.2.1	***Tổ chức***				
6.2.1.1	Số Phòng CS PCCC thành lập mới	0	0	0	
6.2.1.2	Số Đội CS PCCC thành lập mới	0	1	0	
6.2.1.3	Số Phòng Cứu nạn, cứu hộ thành lập mới	0	0	0	
6.2.1.4	Số Đội Cứu nạn, cứu hộ thành lập mới	0	1	0	
6.2.2	***Biên chế***				
6.2.2.1	Biên chế chính thức	46	51	54	
6.2.2.2	Công nhân Công an	3	3	4	
6.2.2.3	Chiến sĩ nghĩa vụ	16	20	13	
6.2.2.4	Số lượng cán bộ làm công tác phòng cháy	8	8	8	
6.2.2.5	Số lượng cán bộ làm công tác chữa cháy	12	13	8	
6.2.2.6	Số lượng cán bộ làm công tác CNCH	2	2	3	
6.2.2.7	Số lái xe chữa cháy	12	12	12	

STT	DANH MỤC THỐNG KÊ	NĂM			TỔNG
		2020	2021	2022	
6.2.3	***Trình độ***				
6.2.3.1	Tiến sĩ	0	0	0	
6.2.3.2	Thạc sĩ	1	2	2	
6.2.3.3	Đại học	21	24	24	
6.2.3.4	Cao đẳng	1	01	01	
6.2.3.5	Trung cấp	11	12	11	
6.2.3.6	Sơ cấp	12	12	12	
7	**Công tác đầu tư cho PCCC và CNCH**				
7.1	***Số dự án đã triển khai***				
7.2	***Kinh phí đầu tư cho công tác PCCC (triệu đồng)***				
7.2.1	Nguồn Trung ương (triệu đồng)				
7.2.2	Nguồn địa phương (triệu đồng)	1.531	1.531	3.833	6.895
7.2.3	Nguồn khác (triệu đồng)				
7.3	***Phân chia theo nội dung đầu tư***				
7.3.1	Kinh phí đầu tư trang bị phương tiện (triệu đồng)				
	Kết quả đầu tư trang bị phương tiện				
7.3.2	Kinh phí xây dựng trụ sở, doanh trại (triệu đồng)				
7.3.3	Kinh phí đầu tư cho hoạt động khác (triệu đồng)	380	380	697	1.457
8	**Công tác thanh tra, kiểm tra PCCC**				
8.1	Số cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC	2.548	3.805	5.391	5.391

STT	DANH MỤC THỐNG KÊ	NĂM			TỔNG
		2020	**2021**	**2022**	
8.2	Số cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ	483	225	235	235
8.3	Số cơ sở đã mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc	222	195	191	191
8.4	Số cơ sở chưa mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc	261	30	03	03
8.5	Số đoàn kiểm tra liên ngành	01	0	01	02
8.6	Số lượt kiểm tra cơ sở	1.135	1.147	1.908	4.190
8.7	Số biên bản kiểm tra được lập	1.135	1.147	1.908	4.190
8.8	Số tồn tại, thiếu sót	3.692	1.920	1.893	7.505
8.9	Số Công văn kiến nghị	-	-	-	
8.10	Số lượt cơ sở bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động	0	0	5	05
9	**Công tác điều tra – xử lý**				
9.1	Điều tra nguyên nhân vụ cháy				
9.1.1	Số vụ điều tra làm rõ nguyên nhân	8	16	15	39
9.1.2	Số vụ chưa rõ nguyên nhân	1	0	1	02
9.1.3	Số vụ có Quyết định khởi tố vụ án	0	0	0	0
9.1.4	Số người bị truy tố				
9.1.5	Số vụ chuyển xử phạt vi phạm hành chính	1	1	1	03
9.2	Xử lý vi phạm về PCCC				
9.2.1	Số biên bản vi phạm đã lập	10	34	83	127
9.2.2	Tổng số tiền phạt (triệu đồng)	13,05	48,308	719,35	780,708

STT	DANH MỤC THỐNG KÊ	NĂM			TỔNG
		2020	**2021**	**2022**	
10	***Công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học PCCC***				
10.1	Số lượng đề tài NCKH cấp Nhà nước đã được phê duyệt	0	0	0	0
10.2	Số lượng đề tài NCKH cấp Bộ đã được phê duyệt	0	0	0	0
10.3	Số lượng đề tài NCKH cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được phê duyệt	0	0	0	0